

**PHỤ LỤC 2.2**

**BẢNG GIÁ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN VEN TRỰC GIAO THÔNG CHÍNH  
(thuộc thành phố Nha Trang)**

Khung giá đất ở (đồng/m <sup>2</sup> )			
Loại đường	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	5.040.000	2.520.000	1.512.000
2	2.520.000	1.260.000	756.000
3	1.260.000	630.000	378.000

**A. ĐẤT Ở**

STT	TÊN ĐƯỜNG	Loại đường	Hệ số	Giá đất theo hệ số đường		
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
<b>1</b>	<b>Quốc lộ 1 đi qua xã Vĩnh Phương</b>					
1.1	Từ giáp địa phận huyện Diên Khánh đến đường vào thôn Đắc Lộc	1	0,8	4.032.000	2.016.000	1.209.600
1.2	Từ đường vào thôn Đắc Lộc đến Nam đèo Rù Rì	1	1,05	5.292.000	2.646.000	1.587.600
<b>2</b>	<b>Quốc lộ 1 đi qua xã Vĩnh Lương</b>					
2.1	Từ ngã ba đèo Rù Rì đến tiếp giáp Tịnh xá Ngọc Tông và Xưởng chế biến của Công ty Đại Thuận	1	0,7	3.528.000	1.764.000	1.058.400
2.2	Từ Tịnh xá Ngọc Tông và Xưởng chế biến của Công ty Đại Thuận đến giáp ngã ba đoạn nối Phạm Văn Đồng với Quốc lộ 1A	1	0,9	4.536.000	2.268.000	1.360.800
2.3	Đoạn tiếp theo đến giáp thị xã Ninh Hòa	2	0,9	2.268.000	1.134.000	680.400
<b>3</b>	<b>Đường 23/10 qua các xã của thành phố Nha Trang</b>					
3.1	Từ chấn đường sắt đến cầu Dứa	1	3,6	18.144.000	9.072.000	5.443.200
3.2	Từ Cầu Dứa đến Cầu Ông Bộ	1	2,15	10.836.000	5.418.000	3.250.800
<b>4</b>	<b>Đường Nguyễn Xiển từ chấn đường sắt đến Quốc lộ 1A (xã Vĩnh Phương)</b>	1	1,05	5.292.000	2.646.000	1.587.600
<b>5</b>	<b>Đoạn nối từ đường Phạm Văn Đồng đến Quốc lộ 1A (xã Vĩnh Lương)</b>					
5.1	Từ giáp ranh phường Vĩnh Hòa đến Trạm Thanh niên xung kích số 9 thành phố Nha Trang	1	0,9	4.536.000	2.268.000	1.360.800
5.2	Từ Trạm Thanh niên xung kích số 9 thành phố Nha Trang đến Quốc lộ 1A (xã Vĩnh Lương)	1	1	5.040.000	2.520.000	1.512.000
<b>6</b>	<b>Quốc lộ 1C (đoạn cải tuyến đèo Rù Rì qua xã Vĩnh Lương)</b>					
6.1	Từ Quốc lộ 1A đến giáp phường Vĩnh Hòa	1	1	5.040.000	2.520.000	1.512.000
<b>7</b>	<b>Đại lộ Nguyễn Tất Thành</b>					

STT	TÊN ĐƯỜNG	Loại đường	Hệ số	Giá đất theo hệ số đường		
				Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
7.1	Từ Nam Cầu Bình Tân đến hết Khu dân cư Hòn Rớ 1	1	1,4	7.056.000	3.528.000	2.116.800
7.2	Tiếp theo đến nhánh rẽ đường vào thôn Phước Trung (nay là thôn Phước Thủy)	1	1,1	5.544.000	2.772.000	1.663.200
7.3	Từ nhánh rẽ đường vào thôn Phước Trung (nay là thôn Phước Thủy) đến đường vào Trại giam Công an tỉnh	1	0,9	4.536.000	2.268.000	1.360.800
7.4	Từ đường vào Trại giam Công an tỉnh đến giáp Ngã ba Chợ Chiều	1	0,8	4.032.000	2.016.000	1.209.600
7.5	Từ Ngã ba Chợ Chiều đến hết Khu Du lịch giải trí Sông Lô	1	0,9	4.536.000	2.268.000	1.360.800
7.6	Từ sau khu du lịch giải trí Sông Lô đến giáp xã Cam Hải Đông	2	0,9	2.268.000	1.134.000	680.400
<b>8</b>	<b>Đại lộ Võ Nguyên Giáp, đoạn từ Cầu sông Quán trường đến tiếp giáp huyện Diên Khánh</b>	1	2,15	<b>10.836.000</b>	<b>5.418.000</b>	<b>3.250.800</b>

#### **B. ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP**

- Giá đất thương mại dịch vụ được xác định theo vị trí, loại đường, hệ số như xác định giá đất ở và bằng 80% giá đất ở cùng vị trí đã quy định tại mục A nêu trên nhưng không được dưới khung giá tối thiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 quy định kèm theo Quyết định về giá các loại đất năm 2020 và ổn định 05 năm 2020-2024
- + Các xã thuộc thành phố Nha Trang: hệ số 1,7 so với bảng giá đất đã được phê duyệt
- + Các khu tái định cư thuộc các xã thuộc thành phố Nha Trang: hệ số 1,8 so với bảng giá đất đã được phê duyệt
- Giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được xác định theo vị trí, loại đường hệ số như xác định giá đất ở và bằng 60% giá đất ở cùng vị trí đã quy định tại mục A nêu trên nhưng không được dưới khung giá tối thiểu quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 quy định kèm theo Quyết định về giá các loại đất năm 2020 và ổn định 05 năm 2020-2024
- + Các xã thuộc thành phố Nha Trang: hệ số 1,7 so với bảng giá đất đã được phê duyệt
- + Các khu tái định cư thuộc các xã thuộc thành phố Nha Trang: hệ số 1,8 so với bảng giá đất đã được phê duyệt